

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 20 - 10 - 2021

V/v: *Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn San.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Đào Tiến Hùng và bà Trần Thu Hiền.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Bùi Thị Thanh Huyền - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa:** Bà Vũ Thị Thanh Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 08/2021/HNGĐ-ST ngày 16 tháng 7 năm 2021 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 8 năm 2021.

**- Nguyên đơn:** Chị Phạm Thị T, sinh năm 1990; địa chỉ: thôn A, xã T, huyện T, tỉnh Hà Nam. (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt)

**- Bị đơn:** Anh Nguyễn Việt D, sinh năm 1984; Nơi ĐKKHKT thôn A, xã T, huyện T, tỉnh Hà Nam; Hiện đang sống ở Đài Loan nhưng không rõ địa chỉ. (Vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án được xác định như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị T và anh Nguyễn Việt D kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 09/3/2010 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Hà Nam. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng vào cuối năm 2018, anh D có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, chị T bắt được quả tang và gia đình nhà chồng cũng biết việc này. Chị T không còn niềm tin ở anh D nữa nên chị đã thuê nhà ra ở riêng cùng cháu C. Vợ chồng anh chị sống ly thân từ đó đến nay. Chị T có gửi đơn ra UBND xã T đề nghị giải quyết ly hôn giữa chị và anh D, UBND xã T có tổ chức hòa giải

cho vợ chồng anh chị về đoàn tụ nhưng không thành. Sau khi xã hòa giải không thành thì khoảng một tuần sau anh D đi lao động tại Đài Loan, trước đó anh D cũng không nói gì cho chị T biết về việc đi lao động ở nước ngoài. Ở Đài Loan, anh D thỉnh thoảng gọi điện về cho chị T nhưng đề hỏi thăm tình hình của con, anh chị không còn quan tâm gì đến cuộc sống của nhau. Chị T có hỏi địa chỉ cụ thể của anh D nhưng anh D không nói. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị T được ly hôn với anh D.

Về con chung: Vợ chồng anh chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Hữu Công C, sinh ngày 30/12/2010, hiện nay cháu C đang ở với chị T. Khi ly hôn chị T đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu C đến khi cháu trưởng thành, không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ngoài ra, vợ chồng anh chị không có con nuôi, con riêng.

Về tài sản chung, công nợ chung: Vợ chồng anh chị không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản riêng, tài sản chung, công nợ: Vợ chồng anh chị không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị T tự nguyện xin nộp toàn bộ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và nộp thay cho anh Nguyễn Việt D.

Ý kiến của ông Nguyễn Hữu T (là bố đẻ của anh Nguyễn Việt D) cho biết: Anh D, chị T kết hôn năm 2010, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Hà Nam. Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do vợ chồng anh chị bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau. Tháng 6/2017, chị T bỏ về nhà chị gái ở thôn T, xã T sinh sống. Cuối năm 2018 anh D đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan đến nay chưa về, chị T và anh D sống ly thân từ đó đến nay. Anh D thỉnh thoảng có gọi điện về hỏi thăm gia đình nhưng không cung cấp địa chỉ cũng như số điện thoại của anh bên Đài Loan, nên ông Thương không cung cấp được địa chỉ và số điện thoại của anh D cho Tòa án. Nay chị T xin ly hôn anh D, ông cũng nhất trí vì anh chị sống ly thân đã lâu, không còn tình cảm. Anh, chị có một con chung là cháu Nguyễn Hữu Công C, sinh ngày 30/12/2010, hiện cháu C đang ở với chị T. Nếu anh chị ly hôn, cháu C có nguyện vọng ở với ai đề nghị Tòa án giao cho người ấy. Trường hợp Tòa án giao cháu C cho anh D nuôi thì trong thời gian anh D đi làm xa vợ chồng ông nhận chăm sóc cháu C thay anh D, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi cháu C.

\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ nhưng bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, 81, 82, 83, 123 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn,

giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Xử lý hôn giữa Chị Phạm Thị T và anh Nguyễn Việt D; về con chung: Giao cháu Nguyễn Hữu Công C cho chị T nuôi dưỡng, chăm sóc từ tháng 10/2021 đến khi cháu đủ 18 tuổi; anh D không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị T. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị T phải chịu 300.000đ theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Anh Nguyễn Việt D đang sống và lao động tại Đài Loan nên việc chị T khởi kiện xin ly hôn với anh D và tranh chấp về nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, Điều 37 và điểm a khoản 2 Điều 38 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Tại công văn số 16907/QLXNC-P5 của Cục quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an thể hiện: Anh Nguyễn Việt D có thông tin xuất cảnh ngày 25/11/2018 qua cửa khẩu Nội Bài, hiện chưa có thông tin nhập cảnh. Chị T và bố anh D là ông Nguyễn Hữu T đều cung cấp anh D đang sống ở Đài Loan nhưng không rõ địa chỉ. Tòa án đã tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho anh D thông qua bố đẻ của anh là ông Nguyễn Hữu T và tiến hành niêm yết theo quy định các văn bản tố tụng cho anh D được biết để thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình. Đồng thời Tòa án đã 02 lần yêu cầu bố đẻ anh D là ông Nguyễn Hữu T cung cấp địa chỉ cụ thể của anh D tại Đài Loan và thông báo cho anh D biết để gửi lời khai về cho Tòa án. Anh D không gửi bản tự khai và vắng mặt tại các buổi làm việc và tại phiên tòa không có lý do nên thuộc trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết. Căn cứ Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn về việc *“Giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ”* và khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn Việt D theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa : Chị Phạm Thị T vắng mặt nhưng có văn bản xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử trong trường hợp đương sự vắng mặt tại phiên tòa.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của Chị Phạm Thị T:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị T và anh Nguyễn Việt D kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 09/3/2010 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Hà Nam. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh D có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác. Năm 2018, chị T đã cùng con thuê nhà ra ở riêng, vợ chồng anh chị sống ly thân từ đó đến nay. UBND xã T đã tổ chức hòa giải cho anh chị về đoàn tụ nhưng không thành, hiện vợ chồng anh chị không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn cho chị và anh D. Xét thấy mâu thuẫn của anh chị đã trầm trọng, thời gian ly thân đã lâu, không thể hàn gắn, mục đích hôn

nhân không đạt được nên chị T xin ly hôn với anh D là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được Tòa án chấp nhận.

[3.2] Về con chung: Vợ chồng anh chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Hữu Công C, sinh ngày 30/12/2010, hiện nay cháu C đang ở với chị T. Khi ly hôn chị T đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu C trưởng thành, không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng.

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và nguyện vọng của cháu Nguyễn Hữu Công C, căn cứ theo quy định tại Điều 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình giao cháu Nguyễn Hữu Công C, sinh ngày 30/12/2010 cho Chị Phạm Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng kể từ tháng 10/2021 cho đến khi cháu C đủ 18 tuổi, anh D không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T.

[3.3] Về tài sản, công nợ và các vấn đề khác: Chị T xác định chị và anh D không có tài sản chung, công nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy Hội đồng không đặt ra xem xét.

Vì anh D đang ở Đài Loan không rõ địa chỉ và không có ý kiến tại Tòa án, do đó khi anh D, chị T phát sinh tranh chấp về việc nuôi con, tài sản chung, công nợ chung thì sẽ giải quyết bằng một vụ án khác khi đương sự có yêu cầu.

[4]. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, Điều 37, điểm a khoản 2 Điều 38, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 264, Điều 266, Điều 271, Điều 273, Điều 280, Điều 469 và Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 123 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Xử lý hôn giữa Chị Phạm Thị T và anh Nguyễn Việt D.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hữu Công C, sinh ngày 30/12/2010 cho Chị Phạm Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng kể từ tháng 10/2021 cho đến khi cháu C đủ 18 tuổi, anh Nguyễn Việt D không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T.

*Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Người trực tiếp nuôi con cùng*

*các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.*

Trường hợp anh D có tranh chấp về con chung, tài sản chung, công nợ chung sẽ được giải quyết bằng vụ án khác khi đương sự có yêu cầu.

3. Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Phạm Thị T phải chịu 300.000đ. Số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2015/0005757 ngày 16/7/2020 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hà Nam được đối trừ khi thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Chị T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, anh D được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Hà Nam;
- Cục THADS tỉnh Hà Nam;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã Ký)*

**Trần Văn San**